

Số: 96 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2026

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu chung

Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ nhằm đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng rau trong nước và một phần xuất khẩu, phát triển bền vững ngành hàng rau; góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

#### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Diện tích gieo trồng rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc chiếm khoảng 30 % (7.500/25.000 ha) tổng diện tích canh tác rau cả tỉnh.

Sản lượng rau cả tỉnh khoảng 400.000 - 450.000 tấn, trong đó sản lượng rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc khoảng 125.000 -135.000 tấn.

Trên 95% số mẫu rau được kiểm tra giám sát đạt tiêu chuẩn an toàn.

### II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030

#### 1. Định hướng phát triển sản xuất rau tỉnh Đồng Nai

Năm 2025, diện tích rau các loại trên toàn tỉnh ước đạt 20.586 ha, năng suất trung bình 164 tạ/ha, sản lượng 337.520 tấn.

Đến năm 2030, định hướng diện tích gieo trồng rau các loại cả tỉnh đạt khoảng 25.000 ha, định hướng diện tích tăng 21 % so với năm 2025, ước đạt năng suất 180 tạ/ha, sản lượng ước đạt 450.000 tấn.

## **2. Định hướng phát triển sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến**

Đến năm 2030, diện tích gieo trồng rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc của tỉnh khoảng 7.500 ha.

Triển khai một cách đồng bộ và có hiệu quả việc áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; trong đó, ưu tiên cho các sản phẩm rau chủ lực của tỉnh, sản phẩm xuất khẩu hoặc có tiềm năng để xuất khẩu.

Thực hiện truy xuất nguồn gốc xuất xứ, xây dựng mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm truy xuất nguồn gốc trong sản xuất rau.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nâng cấp, xây dựng kho mát, kho lạnh có công suất lớn, có công nghệ bảo quản hiện đại (kéo dài thời gian bảo quản, giữ độ tươi ngon của sản phẩm sau thu hoạch), đẩy mạnh phát triển công nghệ chế biến, đa dạng hóa sản phẩm từ nguyên liệu rau; nghiên cứu sử dụng phế phụ phẩm sau chế biến.

## **III. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Về tổ chức sản xuất và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc**

Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp định hướng quy mô vùng trồng rau, ưu tiên tại các vùng tập trung; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất rau từ xây dựng vùng trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Đối với hộ gia đình sản xuất rau, cần liên kết với doanh nghiệp thông qua Hợp tác xã và Tổ hợp tác để sản xuất rau tại các vùng tập trung, gắn với tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mã số vùng trồng, bảo đảm truy xuất nguồn gốc; tham gia các khóa đào tạo, tập huấn chuyên giao khoa học công nghệ về quy trình sản xuất rau an toàn, sơ chế, bảo quản rau,....

Thực hiện đồng bộ giải pháp hỗ trợ phát triển Hợp tác xã cả về chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt chú trọng hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực cho các thành viên Hợp tác xã sản xuất rau an toàn để xây dựng mối liên kết bền vững giữa doanh nghiệp với hộ sản xuất rau.

Hướng dẫn sản xuất áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), Global GAP, sản xuất hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất (tưới thông minh tiết kiệm nước, bón phân theo nhu cầu cây, nhật ký điện tử,...) và các tiêu chuẩn khác tương đương nhằm giúp giảm giá thành sản xuất. Đồng thời, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường truy xuất nguồn gốc và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

Triển khai, nhân rộng các mô hình về tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học theo nguyên tắc 4 đúng tiết kiệm và hiệu quả, đồng thời xây dựng các mô hình xanh tuần hoàn, tận dụng các phụ phẩm làm phân hữu cơ cung cấp lại cho cây trồng.

Hướng dẫn doanh nghiệp, Hợp tác xã thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm theo nguyên tắc truy xuất một bước trước - một bước sau để bảo đảm khả năng nhận diện, truy tìm một đơn vị sản phẩm tại các công đoạn xác định của quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định.

Xây dựng và quản lý thông tin, dữ liệu vùng nguyên liệu: Xây dựng và áp dụng phần mềm quản lý vùng trồng từ khâu tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế và đóng gói sản phẩm... đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

## **2. Phát triển sơ chế, bảo quản và chế biến**

Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm rau ăn lá, rau ăn củ và rau ăn quả công suất mỗi năm từ 500 – 1.000 tấn/năm tại các vùng sản xuất nguyên liệu lớn; phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp định hướng quy mô vùng trồng rau; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất rau vùng trồng đến sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; đa dạng hóa các sản phẩm chế biến rau như: bột rau, nước ép rau, sấy khô,... đáp ứng nhu cầu đa dạng, xu hướng của người tiêu dùng đang dần quan tâm hơn đến các sản phẩm tốt cho sức khỏe, chất lượng cao và nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

Hướng dẫn các nhà sản xuất, bảo quản, chế biến và lưu thông rau tươi và sản phẩm rau chế biến xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống truy xuất nguồn gốc theo các quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quốc tế đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ thiết bị, máy móc, mở rộng công suất của các cơ sở chế biến nông sản trên địa bàn chủ yếu là công nghệ dây chuyền tự động tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đồng đều, đảm bảo an toàn thực phẩm, giảm chi phí trong sản xuất.

Xây dựng và ban hành chương trình kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm rau tươi và sản phẩm chế biến từ rau theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quốc tế; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất thực hiện đúng quy định; về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng, bao bì/nhãn mác...

## **3. Phát triển sản phẩm OCOP**

Tiếp tục phát triển sản phẩm OCOP nhằm khơi dậy tiềm năng, lợi thế khu vực nông thôn nhằm nâng cao thu nhập cho người dân; góp phần tiếp tục tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ và du lịch nông thôn; thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững, trên cơ sở tăng cường ứng dụng chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn, bảo tồn các giá trị văn hóa, quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan môi

trường nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững.

#### **4. Về khoa học công nghệ**

Thực hiện các giải pháp lưu trữ bảo tồn nguồn gen; chọn tạo, sản xuất hoặc nhập nội các giống rau mới, các giống lai F1 có năng suất, chất lượng tốt, chống chịu sâu bệnh hại, thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu.

Tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh và thuốc bảo vệ thực vật sinh học; hạn chế sử dụng hóa chất vô cơ; chuyển giao quy trình sản xuất rau an toàn vào thực tiễn sản xuất.

Xây dựng, chuyển giao khoa học kỹ thuật thông qua các mô hình sản xuất rau theo hướng công nghệ cao, ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa; sản xuất hữu cơ gắn với truy xuất nguồn gốc; ưu tiên chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ mới, công nghệ số trong quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn...

Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất: Sử dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao, chống chịu tốt với sâu bệnh hại, thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ nhà màng; quy trình tưới nước chủ động, tiết kiệm; áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức cây trồng tổng hợp (IPHM); sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, GlobalGAP,...; mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm,... nhằm chuyển giao và nhân rộng kỹ thuật tiến bộ cho người sản xuất, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả của cây trồng, giảm ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe của người sản xuất và người tiêu dùng.

#### **5. Về thị trường tiêu thụ**

Đối với thị trường trong nước: tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác và hộ gia đình xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm rau an toàn, gắn với mã số vùng trồng và chỉ dẫn địa lý, xây dựng sản phẩm OCOP; đa dạng hóa các kênh phân phối rau an toàn, đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung cầu, triển lãm, quảng bá, xúc tiến thương mại,...

Đối với thị trường xuất khẩu: tuyên truyền và phổ biến đến các tổ chức, cá nhân sản xuất rau các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc để đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

#### **6. Về quản lý nhà nước**

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến phát triển sản xuất rau an toàn: Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã,... Đồng thời, ban hành chính sách mới hỗ trợ phát triển rau, trong đó có rau an toàn; chính sách hỗ trợ áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật sản xuất rau an toàn, xây dựng mã số vùng trồng, chuyển đổi số trong sản xuất rau an toàn,....

Giám sát chất lượng an toàn thực phẩm sản phẩm rau tại các vùng sản xuất, Hợp tác xã, chuỗi liên kết sản xuất, cơ sở thu mua, chế biến, kinh doanh tại các siêu thị, chợ,... để nâng cao tính minh bạch về nguồn gốc, chất lượng sản phẩm.

Thường xuyên thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, giống,...); nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm rau tươi và sản phẩm chế biến từ rau. Quản lý chặt chẽ các yếu tố gây ô nhiễm đất, nguồn nước tưới cho các vùng sản xuất rau an toàn,....

### **7. Về đầu tư tăng cường năng lực**

Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất rau theo hướng xã hội hóa, chủ yếu là vốn của doanh nghiệp và người dân. Các hộ gia đình đầu tư hình thành vùng sản xuất rau tập trung. Hợp tác xã, Tổ hợp tác liên kết với các hộ gia đình và doanh nghiệp đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản rau. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, cơ sở sơ chế, nhà máy chế biến, thương hiệu sản phẩm rau,..

Ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất rau theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng cơ chế, chính sách; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực, ưu tiên nguồn nhân lực sản xuất rau an toàn; cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo, nghiên cứu sản xuất, chế biến rau; hạ tầng vùng sản xuất rau tập trung: giao thông, thủy lợi, điện,....; chợ đầu mối, sàn giao dịch,....; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ,....

### **8. Về hợp tác quốc tế**

Phối hợp với các đơn vị (Cục, Viện, Trường,...) phát triển sản phẩm rau như: Trao đổi các giống rau mới, nghiên cứu chọn tạo hoặc nhập nội các giống rau mới, giống lai; xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn; quản trị chuỗi sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến rau; quản lý các yếu tố gây ô nhiễm nguồn nước và đất trồng rau; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm rau,....

## **IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan để phát triển sản xuất, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ về giống, thu hoạch, bảo quản; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ của tỉnh.

2. Tùy theo chức năng nhiệm vụ được giao của các sở, ngành, địa phương nội dung chưa có kinh phí lồng ghép để triển khai thì xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí triển khai thực hiện.

3. Nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách; nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo quy định để thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch này.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; giám sát, đánh giá tình hình thực hiện; tổng hợp, tham mưu đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn triển khai thực hiện Kế hoạch.

Xây dựng mô hình khuyến nông chuyển giao các mô hình sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa, tự động hóa; sản xuất hữu cơ gắn với truy xuất nguồn gốc; ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ số trong sản xuất và tiêu thụ rau an toàn.

Tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân, hộ gia đình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO, GMP, GAP,...) vào sản xuất, sơ chế, chế biến rau để đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

Tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thị trường; sản xuất gắn với tiêu thụ thông qua hình thức liên kết hợp tác.

Phối hợp với cơ quan nghiên cứu (Viện, Trường,..), cơ quan chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường chuyển giao và triển khai áp dụng các giống rau mới, giống lai F1 có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh hại, thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu.

Thực hiện lấy mẫu kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm tại các vùng sản xuất, Hợp tác xã, chuỗi liên kết sản xuất, cơ sở thu mua, chế biến, kinh doanh tại các siêu thị, chợ ...

Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong sản xuất, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất bảo quản,...; công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh rau, các sản phẩm rau.

Hàng năm, thực hiện rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

### 2. Sở Công Thương

Thực hiện lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án xúc tiến thương mại theo phân công để hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, Hợp tác xã liên kết tiêu thụ sản phẩm rau, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

### 3. Sở Khoa học và Công nghệ

Tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thiết bị mới tiên tiến trong trồng, chăm sóc phát triển vùng nguyên liệu rau an toàn, tập trung trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo Nghị quyết số 20/2021/NQHĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến hoạt động truy xuất nguồn gốc. Trong đó, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chế biến rau trong việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đồng Nai để kết nối được với công truy xuất nguồn gốc Quốc gia.

#### **4. Sở Tài chính**

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách, Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan và các địa phương, tham mưu UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách tỉnh, cập nhật danh mục dự án kêu gọi đầu tư phục vụ phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung trên địa bàn tỉnh, đảm bảo theo quy định trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương (nếu có).

Hướng dẫn nhà đầu tư trong thực hiện các thủ tục về đầu tư thực hiện dự án chế biến các sản phẩm rau trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định của pháp luật về đầu tư.

#### **5. Hội nông dân tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch đến đông đảo các thành viên, hội viên; đề xuất cơ chế, chính sách thực hiện; hỗ trợ kinh phí triển khai thực hiện (nếu có); cung cấp thông tin về thị trường rau; phối hợp chuyên gia khoa học công nghệ về sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến rau cho người sản xuất,...

#### **6. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

Xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này gắn với xây dựng phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc. Vận động người sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây rau trên địa bàn đảm bảo đạt mục tiêu của Kế hoạch.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, ... tham gia đầu tư sản xuất rau trên địa bàn.

Tuyên truyền, hướng dẫn người sản xuất thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật sản xuất rau đảm bảo hiệu quả kinh tế, ổn định sinh kế, đúng quy hoạch; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện (*thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*).

#### **7. Chế độ báo cáo**

Các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo kết quả thực hiện định kỳ trước ngày 10/12 hàng năm về Sở Nông nghiệp và Môi

trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được phân công chủ động phối hợp triển khai thực hiện. *t.*

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Đoàn thể chính trị, xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- UBND các xã, phường;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN. *P*

(Khoa/KHdeanrauat/23.01-43)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Hoàng**